

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 71/2022/HNGĐ-ST

Ngày 05/5/2022

V/v “Tranh chấp ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Phúc.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Hoàn

2. Ông Võ Kế An

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay.

Ngày 05 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 254/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên số 63/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: *Chị Trần Thị A, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh T (xin vắng mặt);*

2. Bị đơn: *Anh Nguyễn Thanh Ph, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh T (vắng mặt);*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 01/6/2021, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị A trình bày:**

Chị và anh Nguyễn Thanh Ph tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh T. Chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ

chồng cự cãi thường xuyên, anh Nguyễn Thanh Ph không chung thủy. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, vợ chồng ly thân từ tháng 3/2021 đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với anh Nguyễn Thanh Ph;
- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 27/02/2009 và Nguyễn Thị Ngọc Ch, sinh ngày 01/01/2013 hiện đang sống với anh Ph. Chị đồng ý giao 02 con chung cho anh Ph tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.
- Về cấp dưỡng: Chị chưa cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, đơn khởi kiện, bản tự khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh Nguyễn Thanh Ph vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy nguyên đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Xét thấy chị Trần Thị A, anh Nguyễn Thanh Ph chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn. Chị Trần Thị A xin ly hôn với anh Nguyễn Thanh Ph nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của các bên đương sự: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xin vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử nhận định:

3.1. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Trần Thị A, anh Nguyễn Thanh Ph chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa hai người không còn khả năng hàn gắn đoàn

tự do anh, chị chung sống không hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân khoảng 01 năm nay. Quá trình giải quyết vụ án chị Trần Thị A cương quyết xin ly hôn, anh Nguyễn Thanh Ph không có biện pháp hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị A.

3.2. Về con chung: Xét thấy 02 con chung đang sống với anh Nguyễn Thanh Ph, cuộc sống sinh hoạt đã ổn định, 02 có nguyện vọng sống chung với anh Ph nên tiếp tục giao 02 con chung cho anh Nguyễn Thanh Ph trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

3.3. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử chưa xem xét.

[4] Về án phí: Chị Trần Thị A phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; khoản 1, 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị A ly hôn với anh Nguyễn Thanh Ph.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 27/02/2009 và Nguyễn Thị Ngọc Ch, sinh ngày 01/01/2013 cho anh Nguyễn Thanh Ph tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Trần Thị A được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Trần Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000278 ngày 10/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên chị Trần Thị A đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện CL;
- THADS huyện CL;
- UBND xã Phú Cường;
- Các đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hà Văn Phúc